

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 03 - 3 - 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Dịu

Ông Phạm Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/20120/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị C. Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị X. Sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà C có mặt, bà X có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất – Nguyên đơn là bà Ngô Thị C trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết ngày 10 tháng 7 năm 2017 bà có cho bà Hoàng Thị X vay số tiền 130.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 3%/tháng.

Ngày 10/8/2017 bà X đã thanh toán cho bà số tiền lãi 3.900.000đ là tiền lãi 01 tháng.

Ngày 26/6/2019 bà X trả bà số tiền 5.000.000 đồng là tiền lãi

Năm 2017 bà có mua của bà X 02 thùng sơn. Khi mua không biết giá, nay bà đồng ý với giá 5.000.000 đồng. Bà nhất trí trừ số tiền này vào tiền lãi mà bà X phải trả.

Ngoài ra bà đã nhận từ ông Đào Hữu K số tiền 27.700.000đ do bà X chuyển. Bà đề nghị trừ số tiền này vào tiền lãi mà bà X phải trả.

Đối với khoản tiền mà bà X trình bày khi bà đi Nhật, bà X có trả cho bà 15.000.000đ là không đúng vì trước đó chính bà là người có cho bà X vay 15.000.000đ, khi bà đi Nhật bà X đã trả cho bà 10.000.000đ. Khoản tiền này là bà X vay chứ không phải bà X trả. Bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Nay quan điểm của bà là:

- Yêu cầu bà Hoàng Thị X trả số tiền 130.000.000đ tiền gốc và tiền lãi từ ngày 10/7/2017 đến nay theo lãi suất đã thỏa thuận 3%/tháng và đề nghị trừ số tiền đã nhận 3.900.000đ là tiền lãi 01 tháng; 5.000.000đ là tiền lãi; 02 thùng sơn giá 5.000.000 đồng; nhận từ ông Đào Hữu K số tiền 27.700.000đ tổng số 41.600.000đ vào tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất bị đơn là bà Hoàng Thị X trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Ngô Thị C số tiền 130.000.000đ. không lãi. Bà đã trả gốc cho bà C được 58.900.000đ gồm các khoản:

Lần 1: Ngày 10/8/2017 trả 3.900.000đ.

Lần 2: Ngày 26/6/2019 trả 5.000.000đ.

Lần 3: Số tiền 5.000.000đ, bà C mua sơn của bà.

Lần 4: Khi bà C đi Nhật bà có trả cho bà C số tiền 15.000.000 đồng đưa tại văn phòng, không có biên nhận.

Ngoài ra bà đã chuyển cho ông Đào Vũ K số tiền 30.000.000đ để ông K trả cho bà C. Việc bà C khai chỉ nhận từ ông K số tiền 27.700.000đ là không đúng. Bà có trách nhiệm xuất trình chứng cứ về việc này.

Tất cả các khoản trên đây đều là tiền gốc của số tiền 130.000.000đ.

Nay bà còn nợ bà C 71.100.000đ. Vì điều kiện hiện nay đang khó khăn nên bà đề nghị hàng tháng trả bà C số tiền gốc là 5.000.000đ. Số tiền lãi bà xin bà C không tính.

Tại phiên tòa: Bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Hoàng Thị X trả số tiền 130.000.000đ là tiền gốc và tiền lãi từ tháng 8/2017 đến nay theo lãi suất 20%/năm và đề nghị trừ số tiền đã nhận tổng số 41.600.000đ vào tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ kiện, bà X đã có đề nghị xét xử vắng mặt và Tòa án đã mở phiên tòa và vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết ngày 10 tháng 7 năm 2017 bà Ngô Thị C có cho bà Hoàng Thị X có vay số tiền 130.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất - bà Hoàng Thị X thừa nhận có vay của bà C số tiền 130.000.000đ và trình bày tổng số tiền bà đã trả cho bà C là 58.900.000đ, còn nợ bà C 71.100.000đ. Bà X nhận trả dần hàng tháng mỗi tháng 5.000.000đ, còn tiền lãi xin bà C không tính lãi. Bà C không nhất trí đề nghị này.

[2.1] Về việc lãi: Theo bà C trình bày: Khi cho bà X vay tiền các bên có thỏa thuận lãi với nhau lãi suất là 3%/tháng nhưng trong giấy vay tiền chỉ ghi bà X hẹn trả số tiền trên vào ngày 25/7/2017 là 130.000.000đ + tiền lãi nhưng sau ngày 25/7/2017 bà X không trả được và đến ngày 10/8/2017 bà X đã trả cho bà C 3.900.000đ tương ứng với tiền lãi 3%/tháng của số tiền 130.000.000đ. (Có biên nhận và bà X cũng thừa nhận đã trả cho bà C số tiền này). Nội dung giấy vay tiền và nội dung trả số tiền 3.900.000đ do tự tay bà X viết.

Như vậy việc bà X khai vay bà C số tiền trên không có lãi là không có căn cứ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bà C đề nghị bà X phải trả mức lãi suất 3%/tháng.

Về mức lãi suất: Các bên đã thỏa thuận tại giấy vay tiền và đã thực hiện việc trả lãi là 3%/tháng HĐXX thấy là trái quy định tại Điều 468 BLDS. Sau đó tại bản tự khai và tại phiên tòa, bà C yêu cầu bà X phải trả mức lãi suất 20%/năm và đề nghị trừ số tiền đã nhận tổng số 41.600.000đ vào tiền lãi.

Xét thấy yêu cầu của bà C là phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Đối với các khoản tiền 3.900.000đ bà X đã trả ngày 10/8/2017; 5.000.000đ trả ngày 26/6/2019; 5000.000đ bà C mua của bà X hai thùng sơn, bà X trình bày là trả nợ gốc nhưng không xuất trình được chứng cứ nên HĐXX chấp nhận đề nghị của bà C trừ số tiền này vào số tiền lãi.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng bà X khai khi bà C đi Nhật bà có trả cho bà C tại văn phòng, không có biên nhận. Bà X không xuất trình được chứng cứ về nội dung này nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với khoản tiền bà X khai đã chuyển cho ông Đào Hữu K số tiền 30.000.000đ để ông K trả cho bà C, bà X trình bày có trách nhiệm xuất trình chứng cứ về việc này nhưng không xuất trình. Theo xuất trình của ông K thì bà Lê Thị L là thủ quỹ hội, có giao cho bà X 27.700.000đ, bà X có nhờ hội chuyển cho bà C 27.700.000đ. Bà X trình bày có trách nhiệm xuất trình chứng cứ về việc này nhưng không xuất trình. Do đó việc bà C khai chỉ nhận từ ông K số tiền 27.700.000đ là có căn cứ.

Như vậy, việc bà C khai đã nhận từ bà X tổng số tiền 41.600.000đ và đề nghị trừ vào khoản tiền lãi mà bà X phải trả là có căn cứ.

Do đó: Số tiền gốc mà bà X phải trả cho bà C là: 130.000.000đ

Tiền lãi từ tháng 7/2017 đến nay (tháng 03/2020) là: 32 tháng. Tổng số lãi bà X phải trả là: 32 tháng x (20%/12 tháng) x 130.000.000đ = 69.300.000 đồng. Bà X đã trả: 41.600.000đ.

Số tiền bà X còn phải trả lãi là: 69.300.000đ - 41.600.000đ = 27.700.000đ.

Tổng số tiền gốc bà X còn phải trả cho bà C là: 130.000.000đ (tiền gốc) + 27.700.000đ (tiền lãi) = 157.700.000 đồng.

Án phí dân sự: Bà X phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C đối với bà Hoàng Thị X.

Buộc bà Hoàng Thị X phải có trách nhiệm trả bà Ngô Thị C số tiền gốc là 130.000.000đ, tiền lãi 27.700.000đ tổng 157.700.000đ (**Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng**).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị X phải nộp 7.885.000 đồng.

Bà Ngô Thị C được trả lại 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 04993 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Bà Ngô Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bà Hoàng Thị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Ngô Thị C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Hoàng Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà